TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2023/HSST
Ngày: 21-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Mai Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:AĐoàn Văn K (tên gọi khác: Tý N), sinh ngày 01 tháng 12 năm 2002; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Học vấn: 10/12. Con ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1975 và bà Lê Kim T, sinh năm: 1979. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

1. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: Hải B), sinh năm 1996; tại: tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Bảo vệ. Con ông Nguyễn Ngọc M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Trung H1, sinh năm: 1977. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 16/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 07. Đến ngày 11/10/2018 chấp hành xong trở về địa phương, đã đóng án phí.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 19/12/2022, bị bắt để tạm giam theo Quyết định bắt tạm giam số 02 ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

2. Nguyễn Thanh T1 (tên gọi khác: M1), sinh ngày 07 tháng 8 năm 2000; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thùy T3, sinh năm: 1983. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 12/5/2023, bị cáo T1 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C bắt tạm giam trong vụ án khác.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

3. Nguyễn Văn N1 (tên gọi khác: T4 nhỏ), sinh ngày 18 tháng 12 năm 1998; tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Ấp C, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 10/12. Con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị Thúy N2, sinh năm: 1979. Vợ: Bùi Bích N3, sinh năm: 2000. Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

4. Nguyễn Dương Anh T6 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26 tháng 6 năm 2001; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Ngọc T7, sinh năm: 1980 và bà Dương Thị L1, sinh năm: 1983. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Nguyễn Tấn Đ, (tên gọi khác: T8), sinh ngày 30 tháng 7 năm 2002; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí

Minh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1983. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Huỳnh Mạnh P, (tên gọi khác: B1), sinh ngày 07 tháng 9 năm 2002; tại: tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Công nhân. Học vấn: 12/12. Con ông Huỳnh Trường S, sinh năm: 1977 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1984. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

7. Đoàn Tấn B2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28 tháng 11 năm 2001; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Đoàn Văn L2, sinh năm: 1954 (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm: Không rõ. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

8. Họ và tên: Võ Quốc H3 (tên gọi khác: T4), sinh ngày 14 tháng 5 năm 2003; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Võ Thanh Q, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Yến L3, sinh năm: 1982; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc T9, sinh năm: 2001; Con: Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

Nhân thân:

- Ngày 16/12/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt số tiền 20.000.000 đồng theo Bản án số 225 ngày 16/12/2021.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 19/12/2022, bị cáo H3 bị bắt để tạm giam theo Quyết định bắt tạm giam số 09 ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Ngày 21/6/2023, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về tội " cố ý gây thương tích".

9. Nguyễn Hoàng V (tên gọi khác: B3), sinh ngày 21 tháng 12 năm 2004 tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Nguyễn Minh V1, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm: 1982; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

10. Lê Minh T10 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 01 năm 2004; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Lê Văn K1, sinh năm: 1967 và bà Lê Thị T11, sinh năm: 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

11. Nguyễn Thanh P2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26 tháng 01 năm 2001, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Công nhân, Con ông Nguyễn Văn Tài L4, sinh năm: 1972 và con bà Trần Thị Ngọc S1, sinh năm: 1973. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

12. Nguyễn Hữu Â, (tên gọi khác: Q1), sinh ngày 19 tháng 6 năm 2000, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Minh K2, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn Ngọc T12, sinh năm: 1978. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự; Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

13. Đặng Quốc A, (tên gọi khác: Không), sinh năm 2000; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Không. Con ông Đặng Văn D2, sinh năm: 1967 và bà Võ Thị Mai P3, sinh năm: 1970. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

* Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quốc A: Luật sư Đặng Văn Y – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H. (có mặt)

14. Nguyễn Trọng N4 (tên gọi khác: Nghĩa N5), sinh năm: 2000; tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Sinh viên. Con ông Nguyễn Văn V2, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị K3, sinh năm: 1968. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

15. Họ và tên: Lê Hữu T13, (tên gọi khác: Không), sinh năm: 2000; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Lê Minh T14, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

16. Nguyễn Phúc H5 (tên gọi khác: Không), sinh năm: 2000; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Áp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn P4, sinh năm: 1975 và bà Biện Thị C, sinh năm: 1975. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

17. Nguyễn Minh Q2, (tên gọi khác: B4), sinh năm 2002; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Hớt tóc. Con ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Tuyết T15, sinh năm 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 09/01/2023, bị cáo Q2 bị bắt để tạm giam theo Quyết định bắt tạm giam số: 25 ngày 20/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

18. Nguyễn Hoàng P5, (tên gọi khác: Phúc C1) sinh năm: 1999; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới

tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Nguyễn Văn T16, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị Bích P6, sinh năm: 1952. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

19. Vũ Thanh T17 (tên gọi khác: Tiến M3), sinh năm: 2001; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Sinh viên. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Thanh H6, sinh năm: 1978 và bà Lâm Thanh T18, sinh năm: 1978. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

20. Lâm Nguyễn Minh H7 (tên gọi khác: Hải N6), sinh năm: 2000; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Lâm Bửu Đ2, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị Thanh T19, sinh năm: 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

21. Đặng Thanh P7 (tên gọi khác: Tý N), sinh ngày 12 tháng 02 năm 2003, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Học nghề. Con ông Đặng Thanh H8, sinh năm: 1969 và bà Bùi Thị Ú, sinh năm: 1977. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

22. Trác Thanh T20, (tên gọi khác: Cầy N7), sinh năm 2001; tại: tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: D N, phường V, thành phố R; Chỗ ở: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Tại: tỉnh Kiên Giang. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Sinh viên. Con ông Trác Thanh S2, sinh năm: 1974 và bà Lưu Kim T21, sinh năm: 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

23. Lê Văn Đ3, (tên gọi khác: C2), sinh năm: 1997; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 56 Trần Thị L5, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Chỗ ở: Nhà không số, Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Lê Văn H9, sinh năm: 1971 và bà Lê Thị N8, sinh năm: 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 04/04/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

24. Lê Minh N9 (tên gọi khác: S3), sinh năm: 1994, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 25/15B đường A, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Nguyễn Minh Q3, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị V3, sinh năm: 1973. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 02/8/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

25. Trần Anh P8, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Học vấn: 4/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông Trần Văn L6, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị Ngọc M4, sinh năm: 1972. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 12/5/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

**** Người bị hại*:** Đặng Thanh P7, sinh năm: 2003; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn Tài L4, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Tổ C, Ấp B xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm: 1976. Địa chỉ: B B, Tổ G, Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Biện Thị C, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Minh H10, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà Lưu Kim T21, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Thanh T22, sinh năm: 1998. Địa chỉ: C Đường D, tổ D, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Bà Lê Thị T11, sinh năm: 1968 và ông Lê Văn K1, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (cả hai đều vắng mặt).

8. Anh Trần Đức D3, sinh năm: 1996. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, Tp . (vắng mặt).

9. Anh Nguyễn Văn K4, sinh năm: 1997. Địa chỉ: 361/4/1 N, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

10. Bà Lê Thị Ngọc M4, sinh năm: 1972 (là người giám hộ của bị cáo Trần Anh P8). Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

11. Anh Nguyễn Thanh P9, sinh ngày 26/5/2005. Người giám hộ anh P9: Ông Nguyễn Minh T23, sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: Ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

* Người giám hộ:

1. Người giám hộ của bị cáo Nguyễn Hoàng V: Ông Nguyễn Minh V1, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm: 1982. Cùng địa chỉ: ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Người giám hộ của bị cáo Võ Quốc H3: Ông Võ Thanh Q4, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Yến L3, sinh năm: 1982. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng V, bị cáo Lê Minh T10, Trần Anh P8: Luật sư Huỳnh Khắc T24 - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 14/02/2021, bị cáo Đặng Quốc A điều khiển xe máy Vario biển số 59Y3-513.36 trên đường T từ quán C4 đến quán K5 trên đường T, xã T, huyện C thì bị cáo Đoàn Văn K điều khiển xe Vision màu trắng biển số 59Y3-080.20 chặn đầu xe, hai bên xảy ra cãi nhau, sau đó hai bên bỏ về.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 15/03/2021, bị cáo K đang ở nhà bà nội tại: Ấp A, xã T, huyện C, Tp . thì bị nhóm của bị cáo Quốc A gồm khoảng 10 đối tượng (chưa rõ lai lịch) cầm hung khí đến đứng trước cổng dọa chém bị cáo K. Nhóm của bị cáo Quốc A đứng khoảng 05 phút thì bỏ đi, bị cáo K khóa cửa ở trong nhà, gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H và bị cáo Lê Minh N9 để nói về

việc bị nhóm của bị cáo Quốc A dọa chém. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo K điều khiển xe gắn máy biển số 59Y3-080.20 mang theo 05 chai bom xăng đến nhà bị cáo Nguyễn Thanh T1 lấy hung khí là dao tự chế, sau đó mang đến nhà bị cáo N9.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo K nhắn tin cho bị cáo Quốc A hẹn đánh nhau lúc 22 giờ 00 phút cùng ngày tại công ty H14 ngay vườn cao su; tại: Ấp A, xã T, huyện C, Tp .. Bị cáo Quốc A đồng ý và rủ các đối tượng đi cùng, gồm: Các bị cáo Lê Hữu T13, Đặng Thanh P7, Nguyễn Hoàng P5, Nguyễn Minh Q2, Lâm Nguyễn Minh H11, Nguyễn Phúc H5, Nguyễn Trọng N4, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25 và Lê Văn Đ3. Cả nhóm đồng ý và thống nhất đến nhà bị cáo N4 lấy hung khí như dao tự chế, rựa tự chế để cùng nhau đi đánh nhau. Bị cáo Quốc A điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y3-376.32 chở bị cáo N4 cầm dao, bị cáo Trác Thanh T25 điều khiển xe gắn máy hiệu Luvias biển số 55Y3-2499 một mình, bị cáo P7 điều khiển xe gắn máy biển số 59Y3-52939 chở bị cáo T13 cầm dao, bị cáo H5 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Winer X biển số 59Y3-63237 chở bị cáo H11 cầm dao, bị cáo Q2 điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y3-373.48 chở bị cáo Đ3 cầm dao, bị cáo P5 điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y3-01638 chở bị cáo T17 cầm dao. Cả nhóm điều khiển xe đến điểm hẹn.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của bị cáo K tập trung khoảng 30 người, trước đó, bị cáo K liên lạc với bị cáo H11 và bị cáo N9 nhờ giúp đỡ, các đối tượng còn lại do bị cáo H11 gọi đến, gồm: Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Trần Anh P8, Lê Minh T10, Nguyễn Thanh P9 (sinh ngày 25/6/2005), Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â, Nguyễn Thanh P2 và 12 đối tượng chưa rõ lai lịch. Lúc này bị cáo K nói các đối tượng lên xe cầm hung khí đến điểm hẹn. Bị cáo Nguyễn Thanh P9 điều khiển xe Wave biển số 59Y3-336.73 của bị cáo Thanh T1 chở bị cáo Anh P8, không cầm hung khí. Bị cáo V điều khiển xe Sirius biển số 59Y3-57997 cầm dao tự chế. Bị cáo T10 điều khiển xe Vario biển số 59Y3-51641 của bị cáo T10 chở bị cáo Thanh T1 cầm dao. Bị cáo H3 điều khiển xe Vario biển số 59Y3-59996 chở bị cáo H11, bị cáo H11 và bị cáo H3 đều cầm dao tự chế, sau đó bị cáo H3 đưa dao của bị cáo H3 cho bị cáo H11 cầm. Bị cáo N1 điều khiển xe gắn máy hiệu Vario biển số 70F1-81816 chở bị cáo B2 cầm dao. Bị cáo Đ điều khiển xe gắn máy biển số 59Y3-47935 chở bị cáo K. Bị cáo Mạnh P điều khiển xe gắn máy biển số 59Y3-94455 chở bị cáo Anh T6 cầm hung khí. Bị cáo Nguyễn Hữu Â điều khiển xe gắn máy biển số 59Y3-602.45 của bị cáo P2, chở bị cáo P2, không mang hung khí.

Khi nhóm của bị cáo K đến điểm hẹn thì nhóm của bị cáo Quốc A bỏ chạy do thấy nhóm bị cáo K đông người. Nhóm của bị cáo K truy hô đuổi theo thì bị cáo Đặng Thanh P7 bỏ lại 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ biển số 59Y3-529.39 và 01 cây dao. Nhóm của bị cáo K dừng lại, bị cáo Lê Minh N9 cầm dao tự chế chém vào xe Exciter này gây hư hỏng rồi cả nhóm nhặt cây dao của bị cáo P7 bỏ lại đem về.

Ngày 12/4/2021, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số: 4669, xác định: Lô cao su trên đường H giáp ranh giữa xã T và xã T không là khu dân cư. Vụ việc trên gây mất an ninh trật tự tại địa phương, cầm hung khí tụ tập đông người lưu thông trên tỉnh lộ và các tuyến đường trên địa bàn xã. (BL 307)

Ngày 27/4/2021, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số: 576, xác định: Vị trí xảy ra vụ án tại lô cao su trên đường H, xã T, huyện C, không thuộc địa bàn dân cư xã T. Vụ việc trên gây mất an ninh trật tự tại địa phương trong khu vực các tuyến đường N, Tỉnh lộ 15, Hồ Văn T26 và địa bàn giáp ranh của hai xã T và xã T. (BL 305)

Các bị cáo Lê Minh N9, Lê Văn Đ3 và Trần Anh P8 bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can số 36, 37 và 38 ngày 24/03/2022; Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 03, 04 và 05 ngày 24/03/2022 đối với các bị cáo Lê Minh N9, Lê Văn Đ3 và Trần Anh P8, đồng thời ra quyết định truy nã đối với 03 bị cáo Lê Minh N9, Lê Văn Đ3, Trần Anh P8.

Ngày 04/04/2022, bị cáo Lê Văn Đ3 ra đầu thú. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C phục hồi điều tra vụ án đối với bị cáo, phục hồi điều tra bị cáo đối với Lê Văn Đ3.

Ngày 02/8/2022, bị cáo Lê Minh N9 bị bắt. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C phục hồi điều tra vụ án đối với bị cáo, phục hồi điều tra bị cáo đối với Lê Minh N9.

Ngày 12/5/2023, bị cáo Trần Anh P8 ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C phục hồi điều tra vụ án đối với bị cáo, phục hồi điều tra bị cáo đối với Trần Anh P8.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 55 ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tài sản thiệt hại là 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ biển số 59Y3-529.39 có giá trị 3.950.000 đồng. (BL 291-294)

- Tại bản kết luận giám định số: 2355 ngày 08/4/2021 của phòng K6 Công an T29; Kết luận: 05 chai thủy tinh màu xanh có nhãn ghi SAI GON SPECIAL bên

trong được nhét kín bằng 01 miếng vải màu nâu đều tìm thấy thành phần xăng. (BL 298)

- Tại bản kết luận giám định số: 2157 ngày 29/4/2021 của phòng K6 Công an T29; Kết luận: 19 dụng cụ có cán bằng kim loại, lưỡi sắc nhọn có chiều dài từ 70cm đến 276cm và 05 dụng cụ cán bằng gỗ, lưỡi cong sắc nhọn, dài khoảng từ 91cm đến 131cm là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thô sơ, thuộc nhóm vũ khí thô sơ. (BL 302)

Bản cáo trạng số: 180/CT-VKS-CC ngày 10 tháng 8 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố các bị cáo: Đoàn Văn K, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Lê Minh T10, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â, Nguyễn Thanh P2, Nguyễn Minh Q2, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25, Đặng Quốc A, Nguyễn Hoàng P5, Đặng Thanh P7, Nguyễn Trọng N4, Nguyễn Phúc H5, Lâm Nguyễn Minh H11, Lê Hữu T13, Lê Văn Đ3 và Trần Anh P8 (có lý lịch nêu trên) về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Truy tố bị cáo: Lê Minh N9 về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

*** Tại phiên toà:**

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng số: 180/CT-VKS-CC ngày 10 tháng 8 năm 2023 là đúng người, đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Văn K, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Lê Minh T10, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â, Nguyễn Thanh P2, Nguyễn Minh Q2, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25, Đặng Quốc A, Nguyễn Hoàng P5, Đặng Thanh P7, Nguyễn Trọng N4, Nguyễn Phúc H5, Lâm Nguyễn Minh H11, Lê Hữu T13, Lê Văn Đ3, và Trần Anh P8 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh N9 về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 và tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê Minh N9 từ 02 (Hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê Minh N9 từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

=> Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Minh N9 từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn K từ 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đặng Quốc A từ 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Dương Anh T6 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Huỳnh Mạnh P từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đoàn Tấn B2 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê Hữu T13 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P2 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 tháng tù.

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Â từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N4 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc H5 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q2 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P5 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T17 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đặng Thanh P7 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

21. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Trác Thanh T25 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

22. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lâm Nguyễn Minh H11 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

23. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đại t 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

24. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Võ Quốc H3 từ 01 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

25. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê Minh T10 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

26. Áp điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

27. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Trần Anh P8 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

1. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 134cm, lưỡi bằng kim loại i khoảng 40cm, cán bằng gỗ dài thoảng am. Đây là hung khí mà bị cáo Đoàn Văn K sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

2. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 59Y3-80.20. Đây là phương tiện mà bị cáo Đoàn Văn K sử dụng vào việc phạm tội nhưng bà Lê Kim T là mẹ của bị cáo K sử dụng xe dùng vào việc phạm tội bà T không biết nên cơ quan điều tra trả lại cho bà T là có cơ sở.

3. Số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Đây là tài sản của Đoàn Văn K mang theo để tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cơ quan điều tra trả lại số tiền trên cho bị cáo là có cơ sở.

4. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 98cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 30cm, cán bằng kim loại dài khoảng 68cm có quấn băng keo màu đen. Đây là hung khí mà bị cáo H11 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

5. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 59Y3-599.96. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Ngọc H sử dụng đi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

6. 01 (Một) chiếc diện thoại di động N10 1280 vỏ màu đen, số Imei: 678151096433546, số sim 0922.235.646. Đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo Nguyễn Ngọc H sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

7. 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO A3S vỏ màu xanh-đen, số Imei: 874194368871577, số sim 0924.257.936. Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc H, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

8. Số tiền 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc H mang theo để tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bị cáo là có cơ sở.

9. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 123cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 20cm, cán bằng kim loại dài khoảng 103cm. Đây là hung khí mà bị cáo Nguyễn Thanh T1 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

10. 01 (Một) con dao bằng kim loại dài 32cm hiệu Knives. Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Thanh T1, không sử dụng vào việc phạm tội nhưng bị cáo không nhận lại nên tịch thu tiêu huỷ.

11. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Air Blade biển số: 61R2- 0292. Đây là tài sản của anh Nguyễn Mình H12, bị cáo Nguyễn Thanh T1

mượn anh H12 chiếc xe mô tô hai bánh trên đi làm công nhân, bị cáo T1 sử dụng vào việc phạm, ông H12 không biết nên trả lại cho ông H12 là có cơ sở.

12. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung J7 vỏ màu vàng, số Imei; 352808092196856, số sim 0345.649.269. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Thanh T1 sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

13. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 70F1-818.16. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Văn N1 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

14. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung J2 vỏ màu đen, 327551096548557, số sim 0961,635,452. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Văn N1 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

15. Số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn N1 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cơ quan điều tra trả lại số tiền trên cho bị cáo N1 là có cơ sở.

16. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 109cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 50cm, cấn bằng gỗ dài khoảng 59cm. Đây là hung khí dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

17. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số: 5913- 366.60. Đây là phương tiện mà bị cáo Anh T6 đi từ nhà của mình đến nhà của bị cáo Lê Minh N9 (sau khi được bị cáo H rủ đi chém nhau). Chiếc xe này là tài sản của cha ruột của bị cáo Nguyễn Dương Anh T6 là ông Nguyễn Ngọc T7, (Sinh năm: 1980, nơi thường trú: Ấp C, xã T, huyện C), do ông T7 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo Anh T6 sử dụng làm phương tiện phạm tội ông T7 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lên trên bản trả lại chiếc xe trên cho ông T7 là có cơ sở.

18. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung A20 vỏ màu xanh, số Imei 326571080027549, số sim không hoạt động. Đây là phương tiện mà bị cáo Anh T6 sử dụng để liên lạc với đồng phạm rủ đi đánh nhau nên đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 35.000đ (Ba mươi lăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo Anh T6 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại số tiền trên cho bị cáo Anh T6 là có cơ sở.

19. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 59Y3-479.35. Đây là phương tiện mà bị cáo Đ sử dụng chở bị cáo H đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của cha ruột của bị cáo Nguyễn Tấn Đ là ông Nguyễn Tấn Đ1, (Sinh năm: 1978, nơi thường trú: Ấp D, xã H, huyện C), do ông Đ1 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội ông Đ1 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho ông Đ1 là có cơ sở.

20. 01 (Một) chiếc điện thoại di động ViVo 119 vỏ màu xanh-đen, số Imei: 868797049154596, số sim 0384.718,716. Đây là tài sản của bị cáo Đ, do bị cáo Đ bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo Đ không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ.

21. Đối với Số tiền 59.000đ (Năm mươi chín nghìn đồng). Đây là tài sản của Đ mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho Được là có cơ sở.

22. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 99cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 45cm, cán bằng gỗ dài khoảng 54cm. Đây là hung khí mà bị cáo Huỳnh Mạnh P sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

23. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Winner biển số: 59Y2- 944.55. Đây là phương tiện mà bị cáo Mạnh P sử dụng chở bị cáo Nguyễn Dương Anh T6 đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của cha ruột bị cáo Huỳnh Mạnh P là ông Huỳnh Trường S, (Sinh năm: 1977, nơi thường trú: Ấp B, xã H, huyện C), do ông S bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo Mạnh P sử dụng làm phương tiện phạm tội ông S không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho ông S là có cơ sở.

24. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung J7 vỏ màu vàng, số sim 0969.913,571, Đây là tài sản của bị cáo Mạnh P, do bị cáo Mạnh P bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo Mạnh P không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Mạnh P. Đối với số tiền 37.000đ (Ba mươi bảy nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo Mạnh P mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo Mạnh P là có cơ sở.

25. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng dài 179cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 27cm, cán bằng kim loại dài khoảng 152cm. Đây là hung khí mà bị cáo B2 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

26. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7S vỏ màu tráng, số Imei: 389817842019495, số sim 0347.530.573. Đây là phương tiện mà bị cáo B2 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 162.000đ (Một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo B2 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo B2 là có cơ sở.

27. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 55cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 38cm, cán bằng gỗ dài khoảng 17cm. Đây là hung khí mà bị cáo H3 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

28. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus vỏ màu đen, số I: 353811085061425. Đây là phương tiện mà bị cáo H3 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

29. Đối với số tiền 5.570.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi triệu đồng). Đây là tài sản của bị cáo H3 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo H3 là có cơ sở.

30. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 80cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 59cm, cán bằng kim loại dài khoảng 21cm. Đây là hung khí mà bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

31. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số: 5913-579.97. Đây là phương tiện mà bị cáo V sử dụng đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của cha ruột của bị cáo Nguyễn Hoàng V là ông Nguyễn Minh V1, (Sinh năm: 1983, nơi thường trú: Ấp E, xã H, huyện C), do ông V1 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo V sử dụng làm phương tiện phạm tội ông V1 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho ông V1 là có cơ sở.

32. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung J7 vỏ màu xanh- đen, số Imei: 357625087396191, số sim 0367.054.037. Đây là tài sản của bị cáo V, do bị cáo V bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo V không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo V.

33. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 59Y3-516.41. Đây là phương tiện mà bị cáo T10 sử dụng vào việc phạm tội. Chiếc xe này là tài sản của chị ruột bị cáo Lê Minh T10 tên là Lê Thị Kim H13, (Sinh năm: 1994, nơi thường trú: Ấp A, xã T, huyện C), do chị H13 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo T10 sử dụng làm phương tiện phạm tội chị H13 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho chị H13 là có cơ sở.

34. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 vỏ màu hồng, số sim 0369.376.916. Đây là tài sản của bị cáo T10, do bị cáo T10 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo T10 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo T10.

35. Đối với số tiền 644.000đ (Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo T10 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo T10 là có cơ sở.

36. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 59Y3-602.45. Đây là phương tiện mà bị cáo P2 sử dụng chở đồng bọn đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của cha ruột bị cáo Nguyễn Thanh P2 tên là Nguyễn Văn Tài L4 (Sinh năm: 1972, nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện C), do ông L4 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu. Nhưng vì ông L4 chưa có bằng lái xe

hai bánh nên ông L4 để bị cáo Nguyễn Thanh P2 đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo P2 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội ông L4 không biết. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P2.

37. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone X vỏ màu đen, số I, số sim 0332336158. Đây là phương tiện mà bị cáo P2 sử dụng để liên lạc với đồng bọn nên tịch thu sung công quỹ nhà nước,

38. Đối với số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo P2 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo P2 là có cơ sở.

39. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario biển số: 59Y3-639.68. Đây là tài sản của anh Nguyễn Tấn P10 (Sinh năm: 1994, nơi thường trú Ấp B, xã T, huyện C), bạn bị cáo Nguyễn Hữu Â. Vào ngày 15/3/2021, bị cáo Â mượn anh P10 chiếc xe trên đi đám cưới. Khi bị cáo Â sử dụng xe trên phạm tội anh Tấn P10 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Tấn P10 là có cơ sở.

40. 01 (Một) chiếc điện thoại di động OPPO F1S vỏ màu trắng, số sim 0985.098.107. Đây là tài sản của bị cáo Â, do bị cáo Â bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo Â không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo là có cơ sở.

41. Đối với số tiền 195.000đ (Một trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo Â mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo Â là có cơ sở.

42. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 188cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 38cm, cán dao bằng kim loại dài khoảng 150cm. Đây là hung khí mà bị cáo N4 sử dụng để đi chém nhau nên tịch thu tiêu huỷ.

43. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus vỏ màu đỏ, số Imei: 355839086404680, số sim bị can không nhớ. Đây là tài sản của bị cáo N4, do bị cáo N4 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo N4 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nghĩa là có cơ sở.

44. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số: 59Y3- 376.32. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Trọng N4 sử dụng để chở bị cáo Đặng Quốc A đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của mẹ bị cáo Nguyễn Thị K3 mua cho bị cáo N4 để đi học, khi bị cáo N4 sử dụng vào việc phạm tội, bà K3 không biết nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N4.

45. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Winner X biển số: 59Y3- 632.37. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Phúc H5 sử dụng vào việc phạm tội. Chiếc xe này là tài sản của mẹ ruột bị cáo H5 tên là Biện Thị C, (Sinh năm: 1975, nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện C), do bà C bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu. Nhưng vì bà C chưa có bằng lái xe hai bánh nên bà C để bị cáo Nguyễn

Phúc H5 đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo H5 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội bà C không biết nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Phúc H5.

46. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số: 59Y2- 373.48. Đây là phương tiện mà bị cáo Lê Văn Đ3 sử dụng để chở đồng bọn đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của chị Nguyễn Thanh T22, (Sinh năm: 1988, nơi thường trú: 3A đường D, khu phố G, thị trấn C, huyện C), do chị T22 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Trước đó, bị cáo Nguyễn Trọng N4 mượn chiếc xe trên của chị T22 đi công việc nhưng chưa trả lại. Đến ngày 15/3/2021, bị cáo Lê Văn Đ3 mượn bị cáo N4 chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội chị T22 không biết nên trả lại cho chị T22 là có cơ sở.

47. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda AirBlade biển số: 59Y2- 857.64. Đây là phương tiện mà bị cáo Nguyễn Hoàng P5 sử dụng vào việc phạm tội. Chiếc xe này là tài sản của anh vợ bị cáo P5 tên là Lê Minh Q5, (Sinh năm: 1993, nơi thường trú: Ấp A, xã T, huyện C), do anh Q5 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo P5 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội anh Q5 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho anh Q5 là có cơ sở.

48. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài khoảng 187cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài khoảng 37cm, cán dao quấn băng keo màu đen. Đây là hung khí mà bị cáo T13 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

49. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số Imei 355684072158647, số sim 0344.097.250. Đây là tài sản của bị cáo T13, do bị cáo T13 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo T13 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo T13.

50. Đối với Số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Đây là tài sản của bị cáo T13 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo T13 là có cơ sở.

51. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 275cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 22cm, cán bằng kim loại dài khoảng 253cm. Đây là hung khí mà bị cáo H5 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

52. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng, số Imei: 356571080048523, số sim 0396.284.791. Đây là tài sản của bị cáo H5, do bị cáo H5 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo H5 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

53. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi 6 vỏ màu đen, số Imei: 864849047265181, số sim 0925.858.155. Đây là tài sản của bị cáo Q2, do bị cáo Q2 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo Q2 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo Q2.

54. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus vỏ màu vàng, số Imei: 356693086644467, số sin 0773.118.663. Đây là tài sản của bị cáo P5, do bị cáo P5 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo P5 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo P5.

55. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 188cm, lưỡi dao bằng kim lại dài khoảng 38cm, cán dao bằng kim loại dài khoảng 150cm. Đây là hung khí mà bị cáo T17 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

56. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus, số I: 457334065963785, số sim 0333.849.268. Đây là tài sản của bị cáo T17, do bị cáo T17 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo T17 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo T17.

57. 02 (Hai) con dao tự chế bằng kim loại, mỗi con dao dều dài khoảng 275cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 22cm, cán dao quấn băng keo màu đen. Đây là hung khí mà bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

58. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Vivo i50 vỏ màu xanh-den, số Imei: 862101049608675, số sim 0348.252.495. Đây là tài sản của bị cáo H, do bị cáo H bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo H không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

59. Đối với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo H mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo H là có cơ sở.

60. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha MX King biển số: 59Y3- 529.39. Đây là phương tiện mà bị cáo Đặng Thanh P7 sử dụng để chở đồng bọn đi chém nhau gây rối trật tự công cộng. Chiếc xe này là tài sản của chị ruột bị cáo P7 tên là Đặng Thị Hải C3 (Sinh năm: 1996, nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện C), do chị C3 bỏ tiền ra mua và đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy. Khi bị cáo P7 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội chị C3 không biết. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại chiếc xe trên cho chị C3 là có cơ sở.

61. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus vỏ màu vàng, số Imei: 356995065963556, số sim 0345.472.651. Đây là tài sản của bị cáo P7, do bị cáo P7 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo P7 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo P7.

62. Đối với số tiền 1.140.000đ (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo P7 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo P7. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo P7 là có cơ sở.

63. 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Luvias biển số: 55Y5- 2499. Đây là phương tiện mà bị cáo Trác Thanh T25 sử dụng vào việc phạm tội. Chiếc xe này là tài sản của mẹ ruột bị cáo T25 tên là Lưu Kim T21, (Sinh năm:

1976, nơi thường trú Ấp B, xã T, huyện C), do bà T21 bỏ tiền ra mua lại ở cửa hàng X, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C và cho đến nay bà T21 chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ mà vẫn sử dụng giấy đăng ký mô tô, xe máy do chị Đặng Thị Đức T27 đứng tên. Khi bị cáo T25 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội bà T21 không biết nên trả lại cho bị cáo Trác Thanh T25.

64. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh- đen, số Imei: 354217680070457, số sim không xác định do không hoạt động. Đây là tài sản của bị cáo T25, do bị cáo T25 bỏ tiền ra mua sử dụng và sở hữu, bị cáo T25 không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo T25.

65. Đối với số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo T25 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo T25 là có cơ cở.

66. 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 180cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 30cm, cán bằng kim loại dài khoảng 150cm. Đây là hung khí mà bị cáo Trần Anh P8 sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

67. 01 (Một) chiếc điện thoại di động Sam Sung J8 vỏ màu vàng, số Imei: 359051096435557, số sim không hoạt động, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

68. Đối với số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Đây là tài sản của bị cáo Trần Anh P8 mang theo tiêu xài, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Ngày 19/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã lập biên bản trả lại số tiền trên cho bị cáo Trần Anh P8 là có cơ sở.

***Về dân sự**: Bị cáo Đoàn Văn K đã khắc phục thay cho bị cáo Lê Minh N9 số tiền 4.000.000 đồng cho bị cáo Đặng Thanh P7, bị cáo P7 không yêu cầu gì thêm.

**** Luật sư Huỳnh Khắc T24 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh T10 và Trần Anh P8 trình bày bào chữa:***

Thống nhất với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh T10 và Trần Anh P8. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các Bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên sự nhận biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hoàng V và Lê Minh T10 được hưởng án treo; còn bị cáo Trần Anh P8 do trong quá trình điều tra bị cáo P8 bỏ trốn và bị truy nã nên không được hưởng án treo nhưng xử phạt mức hình phạt nhẹ cho bị cáo P8.

**** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quốc A trình bày lời bào chữa:***

Thống nhất với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với bị cáo Đặng Quốc A. Bên cạnh các tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát nhân

dân huyện Củ Chi đã nêu, Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đặng Quốc A vì hiện tại bị cáo A đang bị liệt tứ chi, khả năng đi lại rất khó nên áp dụng chế độ khoản hồng cho bị cáo được hưởng án treo.

*Bị cáo Trần Anh P8, Nguyễn Hoàng V, Lê Minh T10 không bổ sung lời bào chữa.

* Các bị cáo tự bào chữa: Không.

*** Lời nói sau cùng của các Bị cáo:**

1. Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Minh N9: Bị cáo đã biết sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo về chăm lo cho gia đình.

2. Lời nói sau cùng của bị cáo Đoàn Văn K: Bị cáo đã biết sai, bị cáo xin lỗi gia đình và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

3. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Ngọc H: kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

4. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thanh T1: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

5. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn N1: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

6. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Dương Anh T6: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

7. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Tấn Đ: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

8. Lời nói sau cùng của bị cáo Huỳnh Mạnh P: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

9. Lời nói sau cùng của bị cáo Đoàn Tấn B2: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

10. Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Hữu T13: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

11. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thanh P2: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

12. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hữu Â: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

13. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Trọng N4: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

14. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Phúc H5: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

15. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Minh Q2: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

16. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hoàng P5: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

17. Lời nói sau cùng của bị cáo Vũ Thanh T17: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

18. Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Thanh P7: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

19. Lời nói sau cùng của bị cáo Trác Thanh T25: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

20. Lời nói sau cùng của bị cáo Lâm Nguyễn Minh H11: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

21. Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Văn Đ3: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

22. Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Anh P8: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

23. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hoàng V: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

24. Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Minh T10: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

25. Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Quốc H3: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/3/2021, để giải quyết mẫu thuẫn cá nhân trước đó giữa bị cáo Đặng Quốc A và bị cáo Đoàn Văn K, bị cáo K và bị cáo Quốc A hẹn gặp để đánh nhau tại vườn cao su thuộc Ấp A, xã T, huyện C, Tp .. Bị cáo K rủ khoảng 30 người, gồm: các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Trần Anh P8, Lê Minh T10, Nguyễn Thanh P9, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â, Nguyễn Thanh P2 và 12 đối tượng chưa rõ lai lịch, điều khiển xe gắn máy, mang theo dao tự chế, chai bia chứa xăng và nhóm của bị cáo Quốc A rủ các bị cáo gồm: Lê Hữu T13, Đặng Thanh P7, Nguyễn Hoàng P5, Nguyễn Minh Q2, Lâm Nguyễn Minh H11, Nguyễn Phúc H5, Nguyễn Trọng N4, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25 và Lê Văn Đ3 điều khiển xe gắn máy, mang theo dao, rựa tự chế đến điểm hẹn. Đến nơi, nhóm của bị cáo Quốc A thấy nhóm của bị cáo K đông người lên bỏ chạy, nhóm của bị cáo K truy hô đuổi theo.

[2.2] Tại Công văn số: 4669 ngày 12/4/2021, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xác định: *"... Vụ việc trên gây mất an ninh trật tự tại địa phương, cầm hung khí tụ tập đông người lưu thông trên tỉnh lộ và các tuyến đường trên địa bàn xã"*. Tại Công văn số: 576 ngày 27/4/2021, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, xác định: *"...Vụ việc trên gây mất an ninh trật tự tại địa phương trong khu vực các tuyến đường N, Tỉnh lộ 15, Hồ Văn T26 và địa bàn giáp ranh của hai xã T và xã T"*.

[2.3] Tại bản kết luận giám định số: 2157 ngày 29/4/2021 của phòng K6 Công an T29 kết luận: "*19 dụng cụ có cán bằng kim loại, lưỡi sắc nhọn có chiều dài từ 70cm đến 276cm và 05 dụng cụ cán bằng gỗ, lưỡi cong sắc nhọn, dài khoảng từ 91cm đến 131cm là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thô sơ, thuộc nhóm vũ khí thô sơ"*.

[2.4] Như vậy, hành vi tập trung, điều khiển xe gắn máy, cầm vũ khí thô sơ, hò hét, rượt đuổi, dọc các tuyến đường trên địa bàn hai xã T và T của các bị cáo: Đoàn Văn K, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Lê Minh T10, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â, Nguyễn Thanh P2, Nguyễn Minh Q2, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25, Đặng Quốc A, Nguyễn Hoàng P5, Đặng Thanh P7, Nguyễn Trọng N4, Nguyễn Phúc H5, Lâm Nguyễn Minh H11, Lê Hữu T13, Lê Văn Đ3 và Trần Anh P8, đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng", với tình tiết định khung *"dùng vũ khí, hung khí"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số: 180/CT-VKS-CC

ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.5] Các bị cáo cùng thực hiện phạm tội với tính chất đồng phạm đơn giản, trong quá trình thực hiện tội phạm, mặc dù giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức thực hiện, nhưng các bị cáo đã hiểu ý, phối hợp với nhau để hoàn thành tội phạm. Đánh giá tính chất, mức độ tham gia, vai trò đồng phạm của các bị cáo:

[2.6] Đối với nhóm của bị cáo Đoàn Văn K: Bị cáo Đoàn Văn K là người khởi sướng rủ rê, bị cáo Nguyễn Ngọc H và bị cáo Lê Minh N9 là đối tượng giúp sức tích cực, còn các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Trần Anh P8, Lê Minh T10, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â và Nguyễn Thanh P2 cùng thống nhất ý chí điều khiển xe máy, cầm hung khí đến khu vực đã hẹn để đánh nhau với nhóm của bị cáo Quốc A.

[2.7] Đối với nhóm của bị cáo Đặng Quốc A, bị cáo A là khởi xướng, các bị cáo Lê Hữu T13, Đặng Thanh P7, Nguyễn Hoàng P5, Nguyễn Minh Q2, Lâm Nguyễn Minh H11, Nguyễn Phúc H5, Nguyễn Trọng N4, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25 và Lê Văn Đ3 cùng nhau thống nhất cùng bị cáo Quốc A điều khiển xe gắn máy, cầm hung khí đến khu vực đã hẹn để đánh nhau với nhóm của bị cáo K.

[2.8] Khi nhóm của bị cáo K đuổi theo nhóm bị cáo Quốc A, thì bị cáo Đặng Thanh P7 bỏ lại 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ biển số 59Y3-529.39 và 01 cây dao. Nhóm của bị cáo K dừng lại, bị cáo Lê Minh N9 cầm dao tự chế chém vào xe Exciter này gây hư hỏng, thiệt hại xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ biển số 59Y3-529.39 có giá là 3.950.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Minh N9 đã phạm vào tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số: 180/CT-VKS-CC ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Lê Minh N9 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.9] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, chỉ trong một thời gian giãn cách các bị cáo đã tập trung được nhiều đối tượng cùng thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đến cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng, vi phạm quy tắc, nếp sống văn minh của người dân nơi công cộng. Đối với bị cáo Lê Minh N9 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, phải đưa các bị cáo ra xử lý trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3] Trong vụ án các bị cáo Võ Quốc H3, Lê Minh T10, Nguyễn Hoàng V và Trần Anh P8 khi thực hiện hành vi phạm tội là người tù đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, là người chưa thành niên nên được áp dụng các quy định tại Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc H, Đoàn Văn K và Nguyễn Thanh T1 là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhưng lại rủ rê, lôi kéo, xúi giục các bị cáo Võ Quốc H3, Trần Anh P8, Nguyễn Hoàng V và Lê Minh T10 phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, ngày 16/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" chấp hành xong hình phạt ngày 11/10/2018; bị cáo Võ Quốc H3, ngày 23/7/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt tiền 20.000.000đồng theo Bản án số: 255 ngày 25/11/2022 về tội "Đánh bạc" và ngày 21/6/2023 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố về tội "cố ý gây thương tích" và Bị cáo Nguyễn Thanh T1 bị cơ quan điều tra công an huyện C bắt tạm giam trong vụ án khác có nhân thân xấu. Các bị cáo khác có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Đối với bị cáo Nguyễn Phúc H5 và bị cáo Nguyễn Hoàng P5 gia đình có công cách mạng nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 59Y3-529.39, bị hư hỏng thiệt hại 3.950.000 đồng. Bị cáo Đoàn Văn K tự nguyện bồi thường cho bị cáo Đặng Thanh P7 thay cho bị cáo Lê Minh N9, bị cáo P7 không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

*Đối với vũ khí thô sơ thu giữ gồm: 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 27cm, cán dao bằng kim loại dài 150cm, bản rộng 07cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 41cm, cán dao bằng nhựa dài 12cm, bản rộng 5,5cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 58cm, bản rộng 05cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng kim loại 102cm, bản rộng 07cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng kim loại dàii 105cm, bản rộng 08cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng kim loại dài 105cm, bản rộng 08cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi

dao dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 94cm, bản rộng 08cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 29cm, cán dao bằng kim loại dài 140cm, bản rộng 05cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 54cm, cán dao bằng kim loại dài 60cm, bản rộng 08cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 37cm, cán dao bằng gỗ dài 52cm, bản rộng 06cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 51cm, cán dao bằng kim loại dài 54cm, bản rộng 08cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 41cm, cán dao bằng gỗ dài 62cm, bản rộng 06cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 41cm, cán dao bằng kim loại dài 84cm, bản rộng 04cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 17cm, cán dao bằng kim loại dài 100cm, bản rộng 06 cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 16cm, cán dao bằng kim loại dài 110cm, bản rộng 06cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 47cm, cán dao bằng kim loại dài 23cm, bản rộng 03cm; 01 ống tuýp sắt dài 97cm, đường kính 03cm; 01 ống tuýp sắt dài 97cm, đường kính 03cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 31cm, cán dao bằng kim loại dài 67cm, bản rộng 04cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 36cm, cán dao bằng kim loại dài 150cm, bản rộng 05cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 18cm, cán dao bằng kim loại dài 105 cm, bản rộng 06cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng gỗ dài 18cm, bản rộng 07cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 59cm, cán dao bằng kim loại dài 21cm, bản rộng 07cm; 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 45cm, cán dao bằng gỗ dài 54cm, bản rộng 05cm; 05 chai thủy tinh màu xanh Sài Gon S, nhét miệng bằng miếng vải, không có nước trong chai. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

***Đối với xe máy thu giữ:**

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước công cụ phương tiện của các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm: Xe gắn máy Honda Vairo biển số 59Y3- 599.96, số máy: KF41E2027111, số khung: MH1KF4128LK023057 của Nguyễn Ngọc H; Xe gắn máy Honda Vairo biển số 70F1- 818.16, số máy: JMS1E1683113, số khung: MH1JM511XLK683518 của bị cáo Nguyễn Văn N1;

-Trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp không biết các bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội: Trả cho bị cáo Nguyễn Thanh P2 01 xe gắn máy Honda Vairo biển số 59Y3– 602.45, số máy: JM5IE16614875, số khung: MH1JM5116LK615202; Trả lại bị cáo Nguyễn Phúc H5 01 xe gắn máy Honda Winner X biển số 59Y3-632.37, số máy: KC34E1209237, số khung: RLHKC3705LY118977; Trả lại bị cáo Trác Thanh T25 01 xe gắn máy Yamaha Luvias 55Y3-2499, số máy: 445015387, số khung 10AY015377; Trả lại Nguyễn Thanh T22 01 xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 59Y2- 373.48, số máy: 5C64-1025078, số khung: 641DY-025076; Trả lại Nguyễn Minh H10 01 xe Honda Airblade biển số 61R2-0292, số máy: 5415129, số khung: Y806332; Trả lại 01 xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 59Y3- 376.32, số máy: 5C61089170, số khung: RLCS5C6107Y089170 của

Nguyễn Trọng N4. Trả lại cho ông Trần Đức D3 01 Xe gắn máy Honda Vairo biển số 59Y3- 480.38, số máy: JM51E1281726, số khung: MILJM5117KK281986

*** Đối với điện thoại di động:**

1. Trả lại các bị cáo các điện thoại là tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội: Trả lại cho Nguyễn Hoàng P5 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng có số IMEI:356693086644467; Trả lại cho Trác Thanh T25 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh - đen có số IMEI: 354217680070457; Trả lại cho L7 Nguyễn Minh H11 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh - đen có số IMEI:862101049608675; Trả lại cho Đặng Thanh P7 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng có số IMEI, 356995065963556; Trả lại cho Lê Minh T10 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng có số IMEI: 356571080048523; Trả lại cho Lê Hữu T13 01 điện thoại di động hiệu I Phone 6S màu xám có số IMEI: 355684072158647; Trả lại cho Vũ Thanh T17 01 điện thoại di động hiệu I phone 7 Plus màu đen có số IMEI: 457334065963785; Trả lại cho Nguyễn Minh Q2 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi màu đen có số IMEI: 864849047265181; Trả lại cho Nguyễn Trọng N4 01 điện thoại di động hiệu 7 Plus màu đỏ có số IMEI: 355839086404680; Trả lại cho Nguyễn Tấn Đ 01 điện thoại di động hiệu Vivo i19, màu xanh đen có số IMEI 868797049154596; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng có số IMEi 35918407527410 cho Lê Minh T10; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng có số IMEI: 845374025873475 của Nguyễn Hữu Â; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen có số IMEI: 874194368871577 của Nguyễn Ngọc H; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu có số IMEI: 865194058871299 của Nguyễn Thanh P9.

2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại di động của các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động hiệu S4 J7 màu vàng có số IMEI: 352808092196856 của Nguyễn Thanh T1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 678151096433546 của Nguyễn Ngọc H; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8 màu vàng có số IMEI: 359051096435557 của Trần Anh P8; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20 màu xanh có số IMEI: 326571080027549 của Nguyễn Dương Anh T6; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu trắng có số IMEI: 389817842019495 của Đoàn Tấn B2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI 353811085061425 của Võ Quốc H3; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen có số IMEI: 356739083464639 của Nguyễn Thanh P2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu đen có số IMEI327551096548557 của Nguyễn Văn N1;

*Đối với Nguyễn Thanh P9, do P9 chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã công văn thông báo cho Công an xã H, huyện C xử lý theo quy định.

*Đối với ông Nguyễn Văn V2 và bà Nguyễn Thị K3, là cha mẹ ruột của Nguyễn Trọng N4, do ông V2 và bà K3 không biết N4 chế tạo hung khí dao tự chế và cất giấu hung khí dao tự chế trong nhà để đi đánh nhau gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không có căn cứ để xử lý bà K3 và ông V2 theo quy định pháp luật.

*Đối với và ông Lê Minh T14 và bà Nguyễn Thị H4, là cha mẹ ruột của Lê Hữu T13, do ông T14 và bà H4 không biết T13 mua máy cắt sắt và máy hàn sắt để chế tạo hung khí dao tự chế để đi đánh nhau gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không có căn cứ để xử lý bà K3 và ông V2 theo quy định pháp luật.

*Đối với bà Lê Kim T, là mẹ ruột của Đoàn Văn K, do bà T không biết K chế tạo 05 chai bơm xăng để đi đánh nhau gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không có căn cứ để xử lý bà T theo quy định pháp luật.

[9] Xét các bị cáo phải chịu khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Tuyên bố**: Các bị cáo Đoàn Văn K, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Dương Anh T6, Nguyễn Thanh T1, Huỳnh Mạnh P, Võ Quốc H3, Đoàn Tấn B2, Lê Minh T10, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Hữu Â, Nguyễn Thanh P2, Nguyễn Minh Q2, Vũ Thanh T17, Trác Thanh T25, Đặng Quốc A, Nguyễn Hoàng P5, Đặng Thanh P7, Nguyễn Trọng N4, Nguyễn Phúc H5, Lâm Nguyễn Minh H11, Lê Hữu T13, Lê Văn Đ3, và Trần Anh P8 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] **Tuyên bố**: Bị cáo Lê Minh N9 về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 và tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh N9 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh N9 09 (Chín) tháng tù.

=> Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Minh N9 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2022.

[3] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Đoàn Văn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[4] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc H 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2022.

[5] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Đặng Quốc A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[6] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[7] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[8] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Dương Anh T6 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[9] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[10] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Mạnh P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[11] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Đoàn Tấn B2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[12] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Lê Hữu T13 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[13] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh P2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[14] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu Â 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[15] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trọng N4 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[16] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phúc H5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[17] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo 09/01/2023.

[18] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng P5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[19] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Vũ Thanh T17 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[20] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Đặng Thanh P7 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[21] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Trác Thanh T25 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[22] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Lâm Nguyễn Minh H11 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[23] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn Đ3 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2022.

[24] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Võ Quốc H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2022.

[25] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh T10 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[26] Áp điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[27] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Trần Anh P8 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2023.

[28] Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự:

[28.1] Tịch thu tiêu huỷ gồm:

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 27cm, cán dao bằng kim loại dài 150cm, bản rộng 07cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 41cm, cán dao bằng nhựa dài 12cm, bản rộng 5,5cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 58cm, bản rộng 05cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng kim loại 102cm, bản rộng 07cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng kim loại dàii 105cm, bản rộng 08cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng kim loại dài 105cm, bản rộng 08cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 94cm, bản rộng 08cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 29cm, cán dao bằng kim loại dài 140cm, bản rộng 05cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 54cm, cán dao bằng kim loại dài 60cm, bản rộng 08cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 37cm, cán dao bằng gỗ dài 52cm, bản rộng 06cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 51cm, cán dao bằng kim loại dài 54cm, bản rộng 08cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 41cm, cán dao bằng gỗ dài 62cm, bản rộng 06cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 41cm, cán dao bằng kim loại dài 84cm, bản rộng 04cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 17cm, cán dao bằng kim loại dài 100cm, bản rộng 06 cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưới dao dài 16cm, cán dao bằng kim loại dài 110cm, bản rộng 06cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 47cm, cán dao bằng kim loại dài 23cm, bản rộng 03cm;

- 01 ống tuýp sắt dài 97cm, đường kính 03cm;

- 01 ống tuýp sắt dài 97cm, đường kính 03cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 31cm, cán dao bằng kim loại dài 67cm, bản rộng 04cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 36cm, cán dao bằng kim loại dài 150cm, bản rộng 05cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 18cm, cán dao bằng kim loại dài 105 cm, bản rộng 06cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 35cm, cán dao bằng gỗ dài 18cm, bản rộng 07cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 59cm, cán dao bằng kim loại dài 21cm, bản rộng 07cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại, lưỡi dao dài 45cm, cán dao bằng gỗ dài 54cm, bản rộng 05cm;

- 05 chai thủy tinh màu xanh Sài Gon Special, nhét miệng bằng miếng vải, không có nước trong chai.

[28.2] Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 xe gắn máy Honda Vairo biển số 59Y3- 599.96, số máy: KF41E2027111, số khung: MH1KF4128LK023057 của Nguyễn Ngọc H và 01 xe gắn máy Honda Vairo biển số 70F1- 818.16, số máy: JMS1E1683113, số khung: MH1JM511XLK683518 của Nguyễn Văn N1.

[28.3] Các vật chứng được trả lại gồm:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P2 01 xe gắn máy Honda Vairo biển - số 59Y3– 602.45, số máy: JM5IE16614875, số khung: MH1JM5116LK615202.

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phúc H5 01 xe gắn máy Honda Winner X biển số 59Y3- 632.37, số máy: KC34E1209237, số khung: RLHKC3705LY118977.

- Trả lại cho bị cáo Trác Thanh T25 01 xe gắn máy Yamaha Luvias 55Y3-2499, số máy: 445015387, số khung 10AY015377.

- Trả lại Nguyễn Thanh T22 01 xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 59Y2-373.48, số máy: 5C64-1025078, số khung: 641DY-025076.

- Trả lại Nguyễn Minh H10 01 xe Honda Airblade biển số 61R2-0292, số máy: 5415129, số khung: Y806332.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N4 (mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị K3)01 xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 59Y3- 376.32, số máy: 5C61089170, số khung: RLCS5C6107Y089170.

- Trả lại cho ông Trần Đức D3 01 xe gắn máy Honda Vairo biển số 59Y3-480.38, số máy: JM51E1281726, số khung: MILJM5117KK281986.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng P5 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng có số IMEI:356693086644467;

- Trả lại cho Trác Thanh T25 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh - đen có số IMEI: 354217680070457;

- Trả lại cho L7 Nguyễn Minh H11 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh - đen có số IMEI:862101049608675;

- Trả lại cho Đặng Thanh P7 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng có số IMEI, 356995065963556;

- Trả lại cho Lê Minh T10 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng có số IMEI: 356571080048523;

- Trả lại cho Lê Hữu T13 01 điện thoại di động hiệu I Phone 6S màu xám có số IMEI: 355684072158647;

- Trả lại cho Vũ Thanh T17 01 điện thoại di động hiệu I phone 7 Plus màu đen có số IMEI: 457334065963785;

- Trả lại cho Nguyễn Minh Q2 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi màu đen có số IMEI: 864849047265181;

- Trả lại cho Nguyễn Trọng N4 01 điện thoại di động hiệu 7 Plus màu đỏ có số IMEI: 355839086404680;

- Trả lại cho Nguyễn Tấn Đ 01 điện thoại di động hiệu Vivo i19, màu xanh đen có số IMEI 868797049154596;

- Trả lại cho Lê Minh T10 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng có số IMEi 35918407527410;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Â 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng có số IMEI: 845374025873475;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen có số IMEI: 874194368871577;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh P9 01 điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu có số IMEI: 865194058871299.

[28.4] Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu S4 J7 màu vàng có số IMEI: 352808092196856 của bị cáo Nguyễn Thanh T1;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 678151096433546 của bị cáo Nguyễn Ngọc H;

- 01 điện thoại di động hiệu S4 J8 màu vàng có số IMEI: 359051096435557 của bị cáo Trần Anh P8;

- 01 điện thoại di động hiệu S4 A20 màu xanh có số IMEI: 326571080027549 của bị cáo Nguyễn Dương Anh T6;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu trắng có số IMEI: 389817842019495 của bị cáo Đoàn Tấn B2;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI 353811085061425 của bị cáo Võ Quốc H3;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen có số IMEI: 356739083464639 của bị cáo Nguyễn Thanh P2;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu đen có số IMEI327551096548557 của bị cáo Nguyễn Văn N1;

(Vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 172/LNK ngày 04/9/2021 và phiếu nhập kho số: 172/PNK ngày 04/9/2021).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án mỗi bị cáo có quyền kháng cáo. Riêng bị cáo Đặng Quốc A; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Nhà tạm giữ CA huyện Củ Chi
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Ngọc